



KẾ TOÁN CHI PHÍ

CHƯƠNG 2: CHI PHÍ & PHÂN LOẠI CHI PHÍ

TS. TRẦN VĂN TÙNG



CHƯƠNG 2: CHI PHÍ & PHÂN LOẠI CHI PHÍ



2 Nội dung chính



**1. Phân loại
Chi phí**



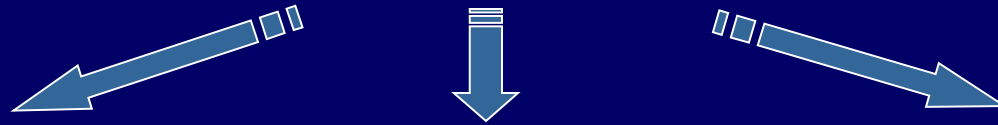
**2. Phân loại
Z sản phẩm**



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ



3 Nội dung chính



1. Khái niệm CP

2. Đặc điểm CP

3. Phân loại CP



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.1. Khái niệm:

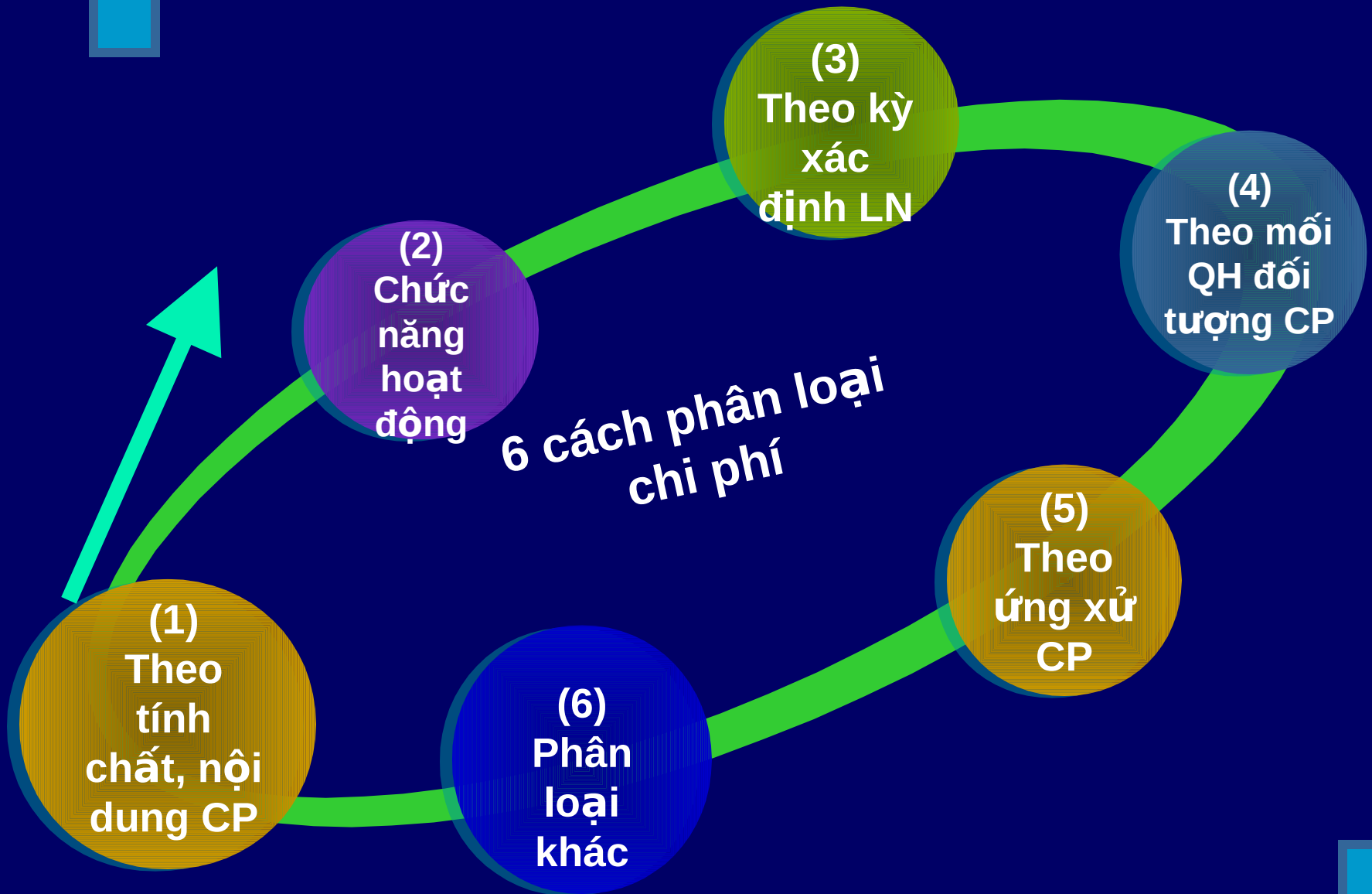
- Chi phí là khoản tiêu hao của các nguồn lực đã sử dụng cho 1 mục đích, biểu hiện bằng tiền.
- Hoặc Chi phí là biểu hiện bằng tiền toàn bộ phí tổn về lao động sống và lao động vật hóa, phát sinh trong quá trình hoạt động của 1 tổ chức.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.2. Đặc điểm của chi phí: 3 đặc điểm cơ bản

- Chi phí là thước đo để đo lường mức tiêu hao của các nguồn lực.
- Chi phí được biểu hiện bằng tiền.
- Chi phí có quan hệ đến 1 mục đích.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo tính chất, nội dung kinh tế của CP

- **Căn cứ để phân loại:** căn cứ tính chất, nội dung của chi phí, không phân biệt chi phí thuộc chức năng kinh doanh nào.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

- Các loại chi phí: có *5* loại

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

5 LOẠI CHI PHÍ

CP
Nguyên
vật liệu

CP
Nhân
công

CP
Khấu hao
TSCĐ

CP DV
mua ngoài

CP khác
bằng tiền

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

- **Các loại chi phí:** có 5 loại

- + **Chi phí nguyên vật liệu:** giá trị NVL, CCDC, nhiên liệu, phụ tùng thay thế,... sử dụng cho SXKD trong kỳ.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

- **Các loại chi phí:** có 5 loại

+ **Chi phí nhân công:** tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ), phải trả khác cho CBCNV trong kỳ.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

- **Các loại chi phí:** có 5 loại

+ **Chi phí khấu hao TSCĐ:** *giá trị hao mòn của TSCĐ sử dụng cho SXKD trong kỳ.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

- **Các loại chi phí:** có 5 loại

+ **Chi phí dịch vụ mua ngoài:** *tiền điện, nước, điện thoại, thuê mặt bằng sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

- **Các loại chi phí:** có 5 loại

+ **Chi phí khác bằng tiền:** *chi phí tiếp khách, hội nghị,... sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

- Công dụng:

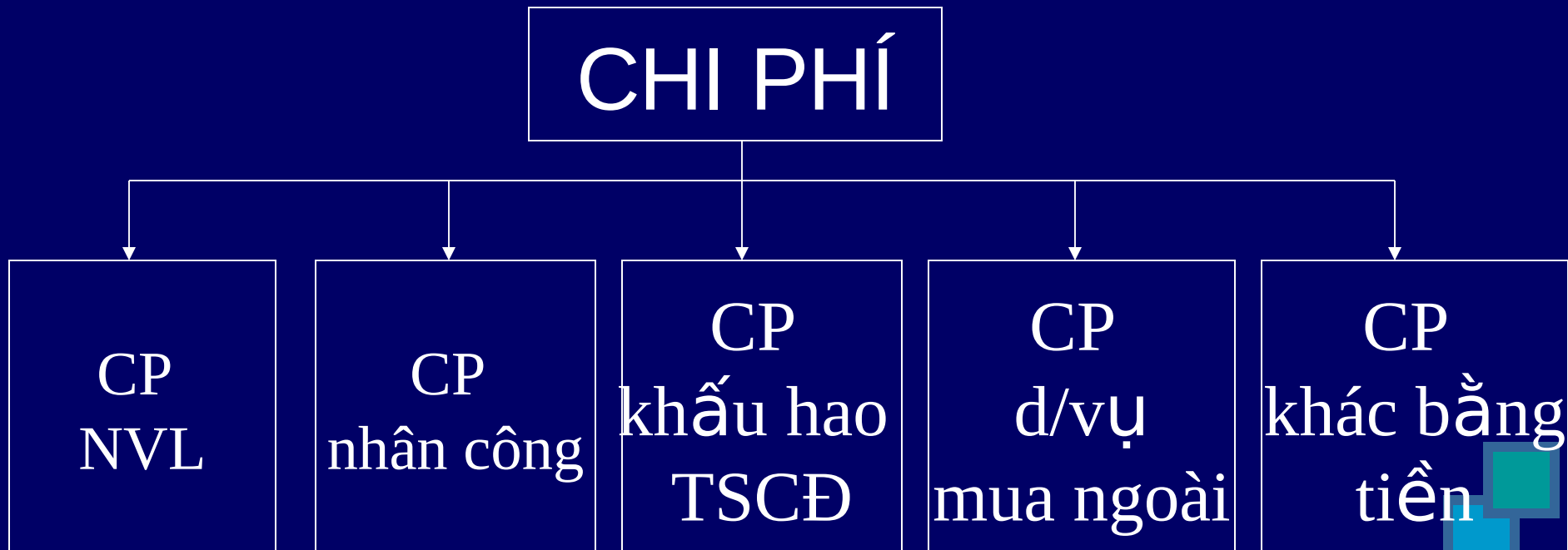
- + Cung cấp thông tin để dự toán nhu cầu vốn lưu động.
- + Cung cấp thông tin lập báo cáo chi phí theo yếu tố của BCTC và BCQT.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.1 Phân loại theo yếu tố:

SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO YẾU TỐ



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

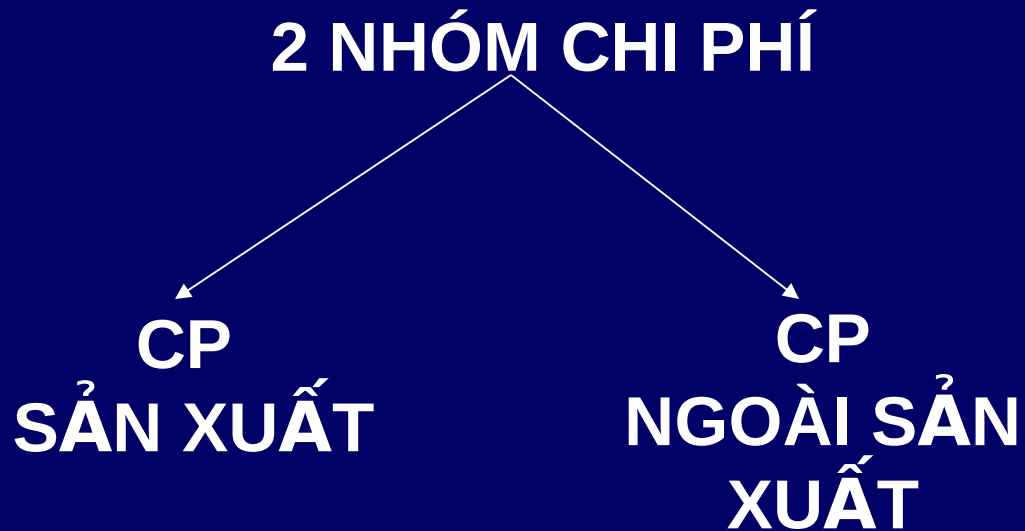
1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

BÁO CÁO CHI PHÍ THEO TÍNH CHẤT, NỘI DUNG KINH TẾ CỦA CHI PHÍ

Yếu tố chi phí	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)
1. Chi phí NVL, CCDC,...		
2. Chi phí nhân công		
3. Chi phí khấu hao TSCĐ		
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài		
5. Chi phí bằng tiền		
Tổng cộng		

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.2. Theo chức năng hoạt động



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- **Căn cứ** : căn cứ mục đích của chi phí để thực hiện các chức năng trong KD.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3. Phân loại chi phí : 6 cách phân loại

1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- **Chi phí SX:** là chi phí liên quan đến chế tạo SP, dịch vụ trong 1 kỳ.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- Chi phí SX:

◆ Đối với DNSX công nghiệp gồm có 3 loại:

- + Chi phí NVL trực tiếp.
- + Chi phí nhân công trực tiếp.
- + Chi phí SX chung.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- Chi phí SX:

◆ Đối với DN xây lắp gồm có 4 loại:

- + Chi phí NVL trực tiếp.
- + Chi phí nhân công trực tiếp.
- + Chi phí sử dụng máy thi công.
- + Chi phí SX chung.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- Chi phí SX:

+ Chi phí NVL trực tiếp & Chi phí nhân công trực tiếp: gọi là chi phí ban đầu.

+ Chi phí nhân công trực tiếp & chi phí SX chung: gọi là chi phí chế biến.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- Chi phí ngoài SX:

◆ Là chi phí liên quan đến tiêu thụ SP và quản lý chung toàn doanh nghiệp.

◆ CP ngoài SX có 2 loại:

+ Chi phí bán hàng : chi phí để tiêu thụ và dự trữ sản phẩm.

+ Chi phí QLDN: chi phí hành chính, cphí quản lý chung toàn DN.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- Chi phí ngoài SX:

- ◆ Chi phí SX chung & chi phí bán hàng : gọi là chi phí chuyển đổi.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

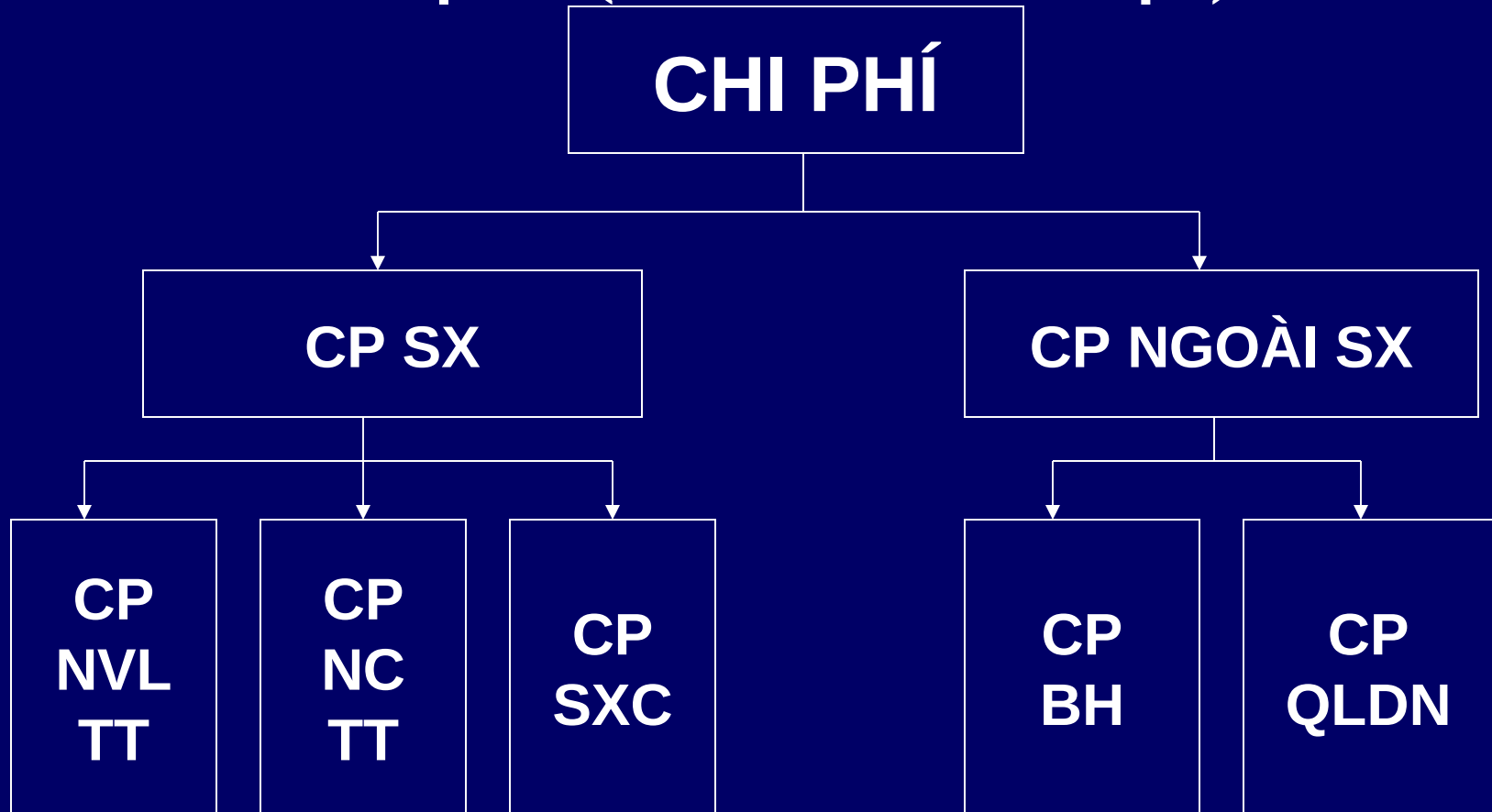
1.3.2 Phân loại theo chức năng hoạt động:

- Công dụng:

- + Cung cấp thông tin để kiểm soát thực hiện chi phí theo định mức (xác định trách nhiệm quản lý và dự toán CP theo bộ phận chức năng).
- + Cung cấp số liệu để tính giá thành SP.
- + Cung cấp thông tin để định mức chi phí, xác định giá thành định mức.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI CP THEO CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG (SX CÔNG NGHIỆP)



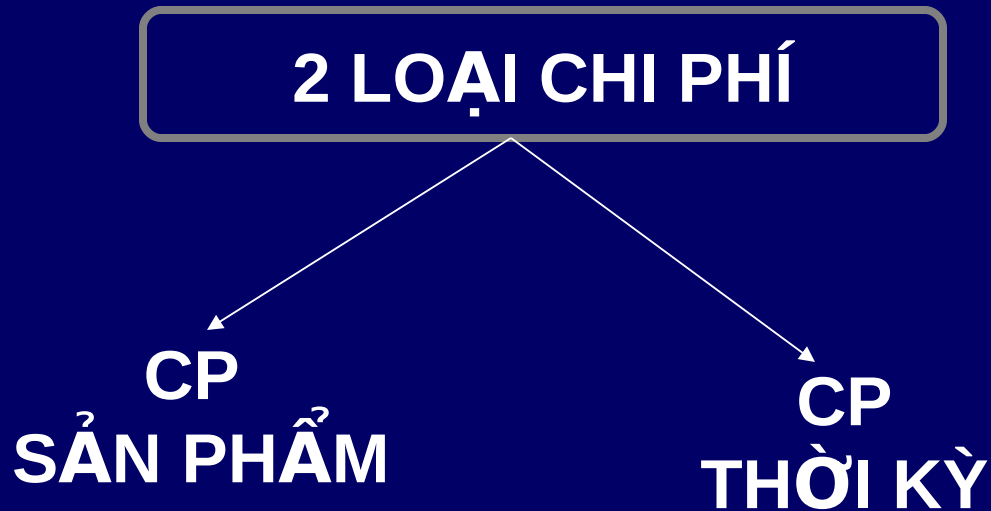
1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

BÁO CÁO CHI PHÍ (THEO CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG)

LOẠI CHI PHÍ	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)
I. CHI PHÍ SẢN XUẤT		
<i>1. Chi phí NVL TT</i>		
<i>2. Chi phí NC TT</i>		
<i>3. Chi phí SX chung</i>		
II. CHI PHÍ NGOÀI SX		
<i>1. Chi phí bán hàng</i>		
<i>2. Chi phí QLDN</i>		
Tổng cộng		

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận:



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận:

- **Căn cứ phân loại:** căn cứ vào mối quan hệ của CP phát sinh đến chế tạo SP hay thời kỳ KD.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận:

- ◆ Chi phí SP: *cp* gắn liền với giá trị SP SX hoặc hàng hóa mua.
- + SP SX: CP SP gồm CP NVL TT, CP NCTT và CP SXC.
- + SP mua (HH): CP SP gồm giá mua và CP mua.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận:

◆ Chi phí SP:

- + *CP SP thường thay đổi theo số lượng.*
- + *Được tính là phí tổn trong kỳ khi SP tiêu thụ.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận:

- ◆ **Chi phí thời kỳ:** *CP gắn liền với từng thời kỳ KD – không gắn liền với giá trị SP như CP BH, CP QLDN.*
- + *CP thời kỳ thay đổi theo thời gian.*
- + *Được tính là phí tổn trong kỳ phát sinh chi phí.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

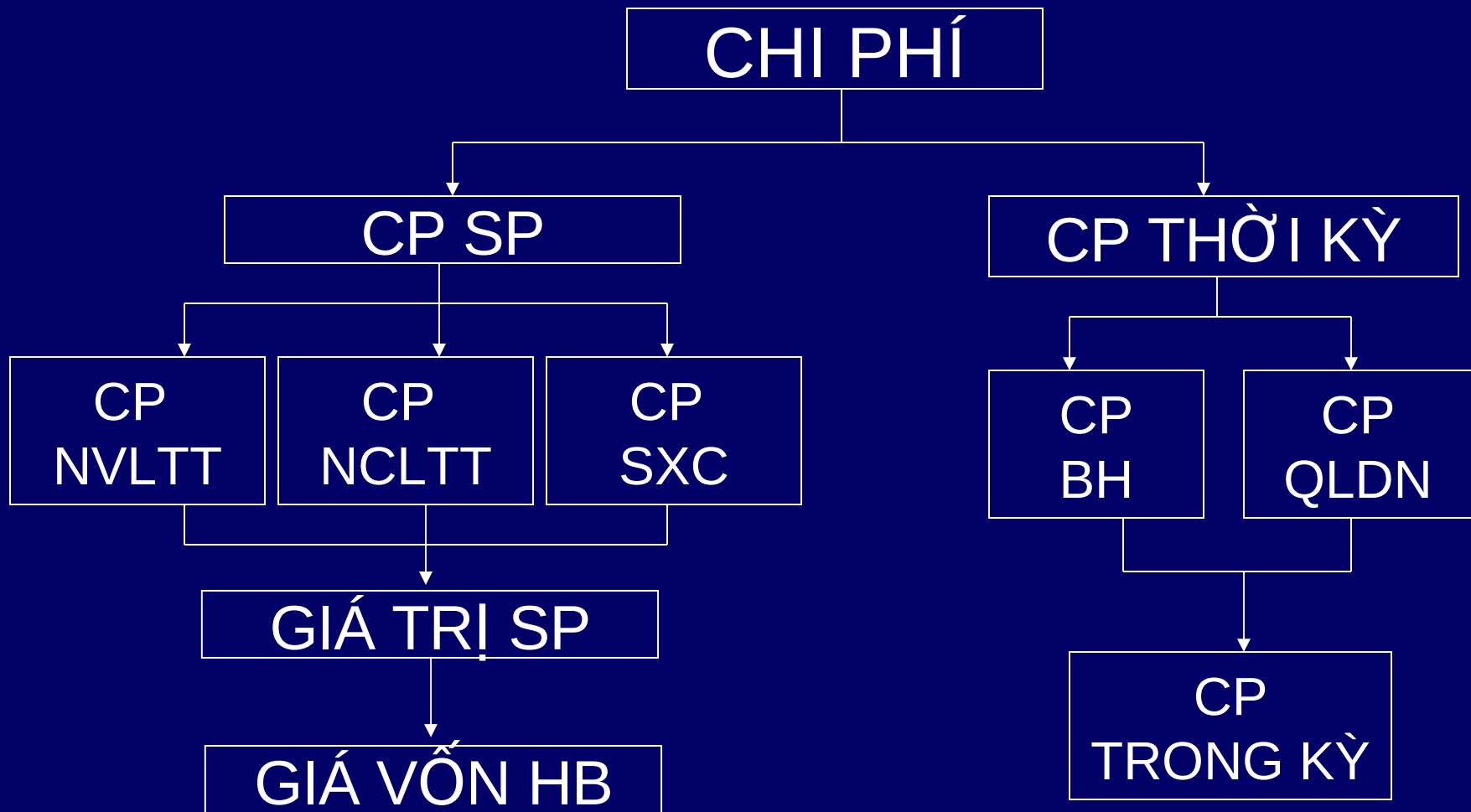
1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận:

◆ Công dụng:

- *Xác định được CP phát sinh trong từng giai đoạn hoạt động của DN.*
- *Làm cơ sở đánh giá hiệu quả quản lý của các bộ phận.*
- *Làm cơ sở để phân tích sự biến động chi phí qua các kỳ kinh doanh.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO MỐI QUAN HỆ VỚI THỜI KỲ XÁC ĐỊNH LỢI NHUẬN



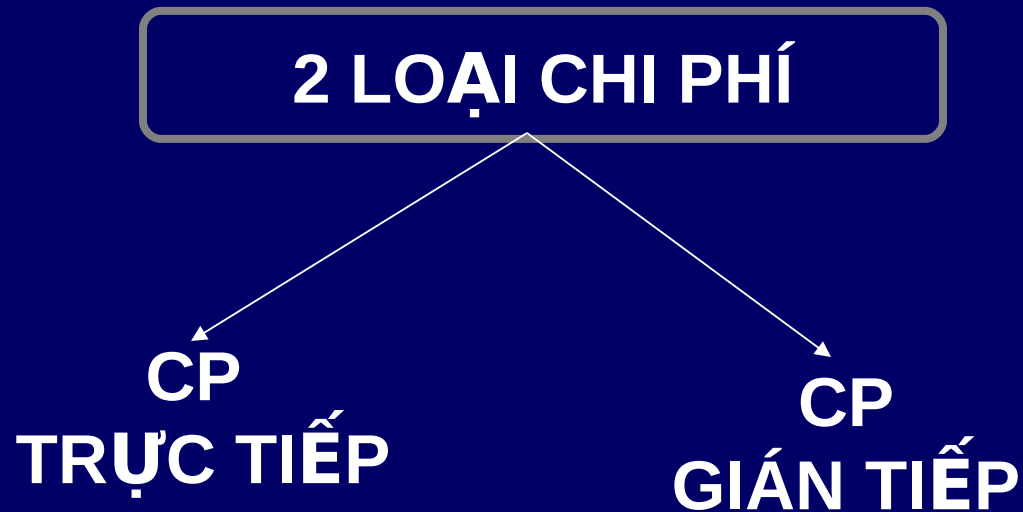
1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

BÁO CÁO CHI PHÍ (THEO MỐI QUAN HỆ VỚI THỜI KỲ XÁC ĐỊNH LỢI NHUẬN)

LOẠI CHI PHÍ	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)
I. CHI PHÍ SẢN PHẨM		
<i>1. Chi phí NVL TT</i>		
<i>2. Chi phí NC TT</i>		
<i>3. Chi phí SX chung</i>		
II. CHI PHÍ THỜI KỲ		
<i>1. Chi phí bán hàng</i>		
<i>2. Chi phí QLDN</i>		
Tổng cộng		

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.4 Phân loại theo mối liên hệ với đối tượng chi phí:



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.4 Phân loại theo mối liên hệ với đối tượng chi phí:

- Căn cứ: vào *mối quan hệ của CP phát sinh đến mục đích sử dụng.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.4 Phân loại theo mối liên hệ với đối tượng chi phí:

- Các loại chi phí : có 2 loại

◆ Chi phí trực tiếp: liên quan đến 1 đối tượng.

Ví dụ:

◆ Chi phí gián tiếp: liên quan đến nhiều đối tượng.

Ví dụ:

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.4. Phân loại theo mối liên hệ với đối tượng chi phí:

- **Công dụng:** *Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí chính xác cho các đối tượng.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.4. Phân loại theo mối liên hệ với đối tượng chi phí: BÁO CÁO CHI PHÍ (THEO MỐI LIÊN HỆ ĐỐI TƯƠNG CHỊU CHI PHÍ)

LOẠI CHI PHÍ	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)
I. CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
1.		
2.		
...		
II. CHI PHÍ GIÁN TIẾP		
1.		
...		
Tổng cộng		

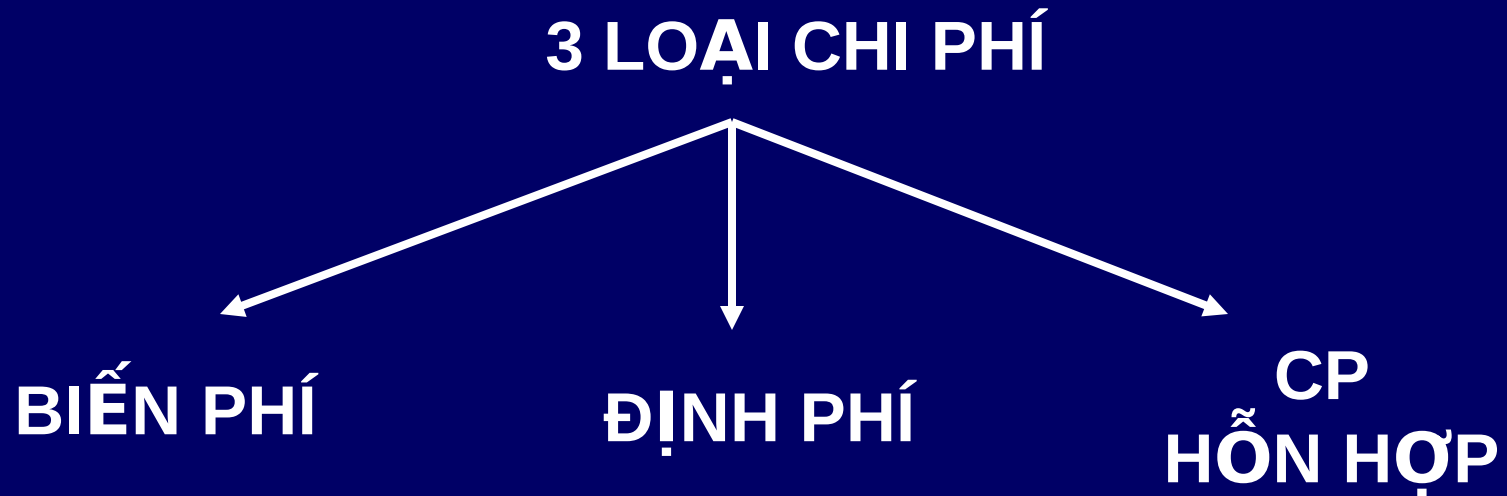
1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

- **Ứng xử chi phí:** *chi phí sẽ thay đổi như thế nào khi thay đổi mức mức độ hoạt động.*
- **Mức độ hoạt động:** *số sản phẩm, số giờ máy SX,....*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

- **Căn cứ phân loại:** vào mối quan hệ của sự biến đổi chi phí và sự biến đổi của mức hoạt động.
- **Các loại chi phí :** có 3 loại
 - ◆ **Biến phí:** là chi phí thay đổi về tổng số khi mức hđộng thay đổi trong phạm vi thích hợp.

+ **Ví dụ 1:**

1 àu	----	20.000ñ
10 àu	-----	200.000ñ
100 àu	-----	2.000.000ñ

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

- Các loại chi phí : có 3 loại

◆ Biến phí:

+ Ví dụ 2: Chi phí lao biến phí nhỏ

- *Chi phí NVL trực tiếp*

- *Chi phí nhân công trực tiếp –traû löông khoaùn theo saûn phaûm.*

- *Chi phí daàu nhòut cho maùy saûn xuaát.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Biến phí:

- + **Ví dụ 2:** Chi phí lao biến phí nhỏ
 - Chi phí nhân công gián tiếp – traؤلöông khoản theo SP gián tiếp
 - Chi phí nhân viên bán hàng – traؤلöông khoản theo doanh thu
 - Chi phí v/chuyên h/hòa – traؤلöông theo trọng lượng.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Biến phí:

+ **Lö u yù**: *Bieán phí bình quaân (biến phí đơn vị) (Kí hieäu: b) thì không ñoãi, toảng bieán phí thay ñoãi khi qui mô hoạt ñộng thay ñoãi.*

➤ *Biến phí được trình bày bằng phương trình: $y_b = b.x$ (y_b : Tổng biến phí, b : biến phí đơn vị, x : mức hoạt động).*

➤ *Bieán phí goàm 2 loaii:*

- *Bieán phí tyû leä*

Bieán phí hieäc theng

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ **Định phí:** là chi phí không thay đổi về tổng số khi mức hoạt động thay đổi trong 1 phạm vi thích hợp.

+ Ví dụ 1:

1 àuò ----- 5.000.000ñ

10 àuò ----- 5.000.000ñ

100 àuò ----- 5.000.000ñ

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Định phí:

+ Ví dụ 2: Chi phí lao động phí nhỏ

- Chi phí khấu hao nhà xưởng máy móc.
- Chi phí NV QL trâu cỏ ñồng (theo thời gian)
- Chi phí NCTT – trâu cỏ ñồng (theo thời gian)
- Chi phí qua cầu, đường,
- Chi phí ña số taio...

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Định phí:

+ Lưu ý :

- *Toảng Ñònħ phí (Kí hiệü: F) thì không thay ñoải, ñònħ phí bình quaân thì thay ñoải khi qui mô hoạt ñộng thay ñoải.*
- *Định phí trình bày bởi PT: $F = a$ (F : định phí, a : hằng số).*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Định phí:

+ Lưu ý :

- *Khoảng nên quan niệm là ñình phí sẽ luôn có ñình, mà ñó ñó thể ñể taêng giaâm trong tồng lai, tuy khoảng ñđnh hõđng bõđi taêng giaâm ñđc ñõđ hoait ñõđg.đ*
- *Ñđnh phí gòđm 2 lođđ:*
 - *Ñđnh phí ñáét buõc.*
 - *Ñđnh phí tuøy yù.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Định phí:

+ Lưu ý :

- *Những phí bất biến: những khoản phí mà doanh nghiệp không thể thay đổi dễ dàng.*
- *Những chi phí biến đổi:*
 - + *Chi phí biến đổi trực tiếp lâu dài.*
 - + *Chi phí biến đổi gián tiếp ngắn hạn.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Định phí:

+ Lưu ý :

- *Ñònñ phí tuøy yù: nhöõng khoaün ñònñ phí maø nh2 quaün trò coù theå quyeát ñònñ möüc ñoä hay thay ñoäi deã daøng khi laäp keá hoaïch haøng naêm.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

- ◆ **Chi phí hỗn hợp:** là loại chi phí vừa có yếu tố biến phí vừa có yếu tố ñình phí.
- + **Ví dụ 1:** Chi phí ñiện thoạ có ñình trong ñịch vụ viễn thoạ – phí thuê bao là ñình phí, phí trả theo thời gian sử dụng (thời gian gọi ñi) là biến phí.
- + **Ví dụ 2:** Chi phí nhân công trực tiếp, trợợng hợp trả lương vừa bao gồm theo thời gian và theo sản phẩm – phần trả theo thời gian là ñình phí, phần trả theo

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

◆ Chi phí hỗn hợp:

+ *Phương trình chi phí hỗn hợp:*

$$y = b.x + F$$

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Ví dụ: Thay caùc kyù töi baèng caùc con soá

thích hợp Chức tiêu	500sp	600sp	700sp
1- Tổng chi phí	a	72.000	b
+ Ñòn h phí	c	42.000	d
+ Bie án phí	e	30.000	f
2- Chi phí bình qua ân	g	h	i
+ Ñòn h phí	j	k	l
+ Bie án phí	m	n	o

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phân tích chi phí hỗn hợp

Có 3 phương pháp :

- *Phương pháp cực tiểu, cực đại*
- *Phương pháp nối tiếp phân tán*
- *Phương pháp bình phương bé nhất*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

■ Phương pháp cực đại, cực tiểu:

- Quan sát chi phí hoãn hồi hai qui mô hoạt động cao nhất, thấp nhất.

- Biến phí bình quân :

$$b = \frac{y_{\max} - y_{\min}}{x_{\max} - x_{\min}}$$

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

■ Phương pháp cực đại, cực tiểu:

- Tổng Nõn phí = chi phí hoãn hời –
(biến phí b qua ân x SL hoạt ñoäng)

$$F = y_{max} - b x_{max} \quad \text{hoặç} \quad F = y_{min} - b x_{min}$$

- Thay b vàø F vàø phương trình $y = bx + F$ ta có ñöôic phương trình ñöôøng chi phí hoãn hời.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

- **Phương pháp cơ bản, cơ bản:**
 - Ví dụ 1: *Phân tích chi phí hoãn hoãn (Chi phí năng lượng) của một năm và trong 6 tháng năm 2010 như sau :*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

■ Phương pháp trực tiếp, trực

tiếp:

Thùng	Số giờ máy hoạt động (x)	Tổng chi phí nâng lồng(y)
1	500h	2.250.000đ
2	750h	2.375.000đ
3	1.000h	2.500.000đ
4	1.100h	2.550.000đ
5	950h	2.475.000đ
6	700h	2.350.000đ
Tổng cộng	5.000h	14.500.000đ

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

■ Phương pháp cơ bản, cơ bản:

Yêu cầu:

- 1. Xây dựng PT chi phí hoặc hợp đồng thường của DN.*
- 2. Xác định tổng biến phí và tổng định phí trong 6 tháng đầu năm 2010 của DN.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phương pháp nào thì phân tán (ít sâu dugng)

- *Quan sát chi phí hoãn hõip õu nhiều qui mô hoạt ñoäng khác nhau*
- *Biểu diễn các ñiểm vöøa quan sát lên ñoà thò (trüic tung laø chi phí, trüic hoành laø qui mô hoạt ñoäng)*
- *Keû ñöông hoài qui (negression line)*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phương pháp nào thì phân tán (ít sâu dùng)

- **Ví dụ 2:** Lấy số liệu ví dụ 1, sử dụng pp nào thì phân tán, quá trình thực hiện như sau:
 - Tất cả những giờ máy hoạt động (CP tương ứng) của từng tháng được biểu diễn trên đồ thị.
 - Kẻ 1 đường biểu diễn sao cho nó phân chia tất cả các điểm thành 2 phần bằng nhau về số lượng, vị trí (đường biểu diễn sẽ đại diện cho tất cả các điểm). Đây là đường hồi quy – đường của các mức trung bình.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phương pháp nào thì phân tán (ít sâu dugng)

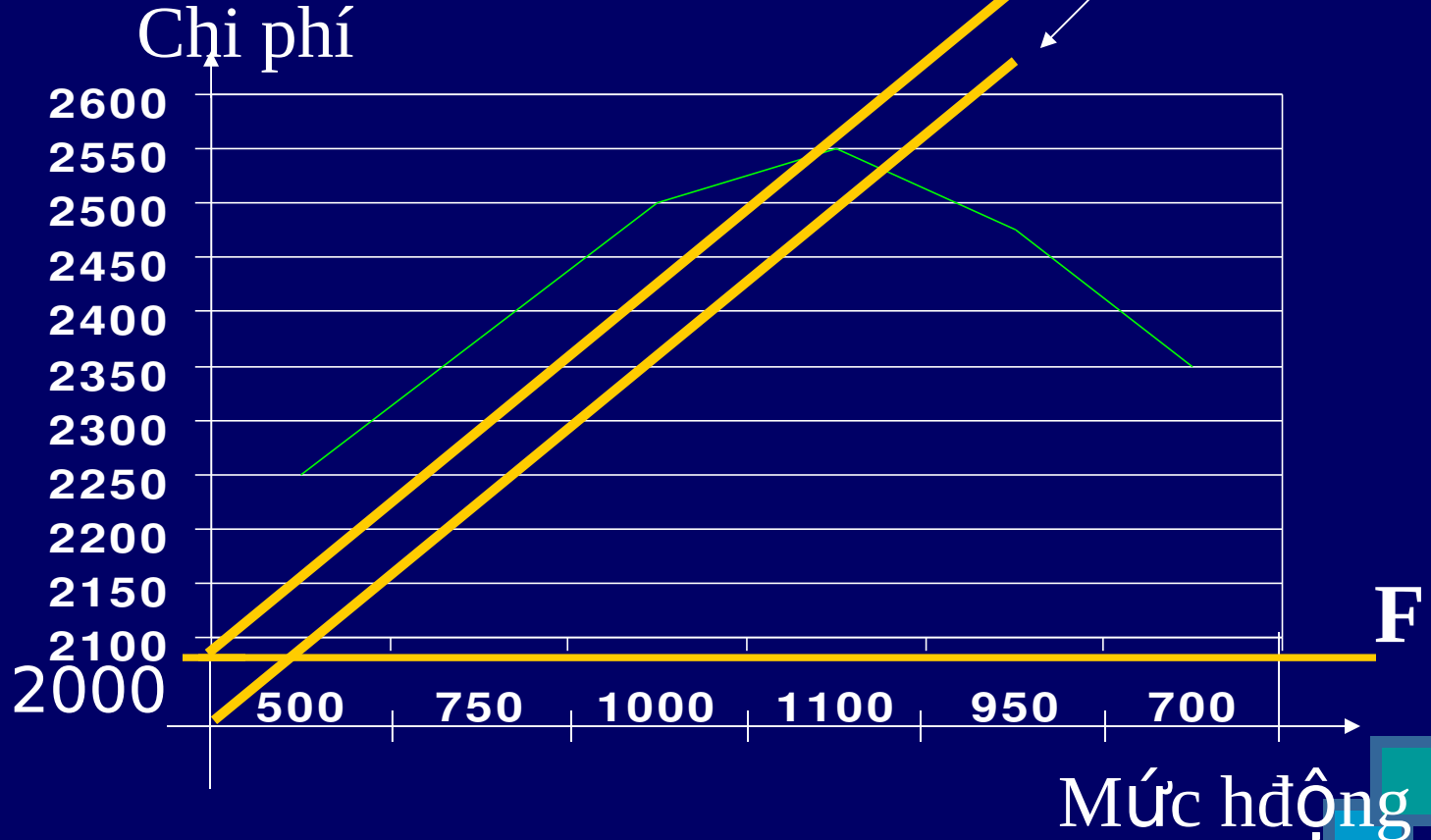
- **Ví dụ 2:** Lấy số liệu ví dụ 1, sử dụng pp đồ thị phân tán, quá trình thực hiện như sau:
 - Mức trung bình của định phí được biểu diễn bởi giao điểm giữa đường hồi quy với trục tung. Mức trung bình của biến phí tính cho biến động của 1 đơn vị mức độ hoạt động sẽ được phản ánh theo độ dốc của đường biểu diễn như sau: lấy tổng CP của điểm nằm trên đường hồi quy trừ đi cho định phí và kết quả này được chia cho mức hoạt động tại điểm này sẽ được biến phí tính cho 1 đơn vị hoạt động.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phương pháp nào thì phân toàn (ít sâu đúng)

■ Ví dụ 2:



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phương pháp bình phương bé nhất

- Quan sát chi phí hỗn hợp ôu nhiều qui mô hoạt ñoäng khác nhau.
- Tõø n phầñ töu quan sát ñõõic ta thieát läp ñõõic hệ phương trình tuyeán tính sau:

$$\Sigma xy = b\Sigma x^2 + F\Sigma x \quad (1)$$

$$\Sigma y = b\Sigma x + nF \quad (2)$$

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phương pháp bình phương đều nhất

- Giải hệ PT này ta sẽ xác định được các yếu tố b, F từ đó lập PT hồi quy có dạng $y = b.x + F$.
- Ví dụ 3: Lấy số liệu ví dụ 1. Từ số liệu này ta lập bảng tính toán như sau:

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Phương pháp bình phương bé nhất

Tháng	x (h)	y (1000đ)	x.y	x ²
1	500	2.250	1.225.000	250.000
2	750	2.375	1.781.250	562.500
3	1.000	2.500	2.500.000	1.000.000
4	1.100	2.550	2.805.000	1.210.000
5	950	2.475	2.351.000	902.500
6	700	2.350	1.645.000	490.000
Cộng	5.000	14.500	12207500	4.415.000

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

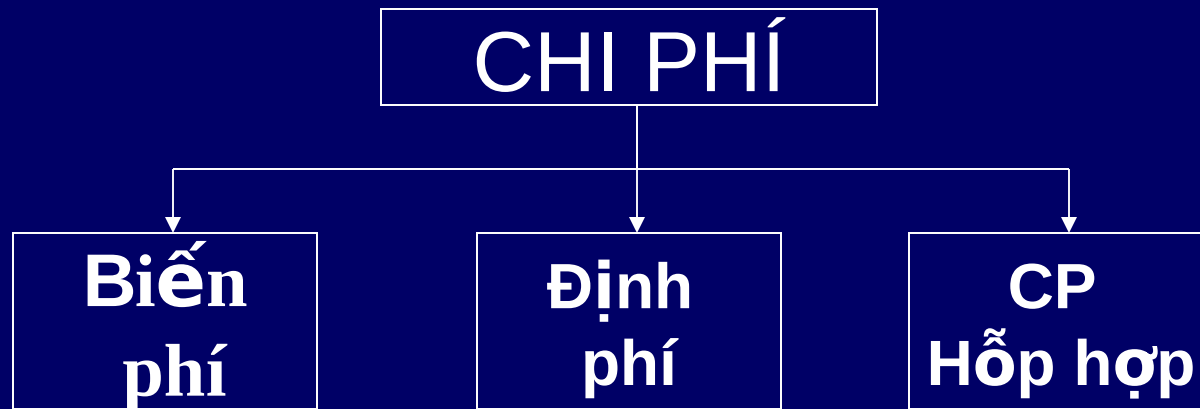
1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí:

Coâng düng:

- *Cung cấp thông tin ñể hoạch ñòn và kiểm soát chi phí.*
- *Nghiên cứu quan hệ chi phí –khoái löông – löii nhuaän, phân tích ñiểm hòa vốn ñể ra quyết ñòn kinh doanh.*
- *Cung cấp thông tin ñể kiểm soát hiệu quả kinh doanh –láp baù caùo kết quả hoạt ñöng theo ñảng số ñö ñaâm phí.*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.5 Phân loại theo cách ứng xử chi phí: SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI CP THEO CÁCH ỨNG XỬ CHI PHÍ



1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

- *Chi phí cố hoäi*
- *Chi phí chìm*
- *Chi phí chênh leäch*
- *Chi phí kiểm soàt ñöôic vaø khoâng kiểm soàt ñöôic*

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

■ Chi phí cố hoãi

Laø nhöõng löii ích tieàm taøng maø DN ñaõ boû qua vì löia choïn phöông àn kinh doanh naøy vaø huûy boû phöông àn kinh doanh khaùc. K/N naøy thöông duøng ñeã ra quyeát ñònh ñaàu tö.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

■ Chi phí cơ hội

Ví dụ: Đang gửi tiền tiết kiệm ở ngân hàng hàng tháng nhận khoản tiền lãi x đồng, dự tính nhận tiền lại để kinh doanh thì khoản tiền lãi sẽ không còn nhận được là chi phí cơ hội của PA kinh doanh.

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

■ Chi phí chìm

Laø chi phí bỏ ra trong quá khứ và không thể tránh khỏi dù lựa chọn bất kỳ phương án nào.

Ví dụ: Chi phí khấu hao TSCN, tiền thuê nhà đang sử dụng...

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

■ Chi phí chênh lệch:

Laø những chi phí có trong phòng àn này nhưng lại không có hoặc có một phần trong phòng àn kia, do ñó tạo ra chênh lệch chi phí. Dùng ñể lựa chọn phòng àn

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

- **Chi phí chênh lệch:**

Ví dụ: một công ty muốn chuyển từ dạng bán buôn sang bán lẻ số liệu sau:

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

■ Chi phí chênh lệch:

Chi tiêu	Bản buôn	Bản lê	Chênh lệch giữa bản lê về bản buôn
GVHB	500.000	600.000	100.000
Chi phí Quản Hoàng b. hàng	100.000	55.000	45.000
K. hao kho	60.000	90.000	30.000
Chi phí khác	80.000	80.000	-

1. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

1.3.6 Các phân loại khác:

- Chi phí kiểm soát nội bộ và không kiểm soát nội bộ:
 - + *Chi phí kiểm soát:* nội bộ nói về những chi phí do cấp trên ra quyết định.
 - + *Chi phí không kiểm soát nội bộ:* Là những chi phí nằm ngoài quyền quyết định của một cấp quản lý.

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

4 Nội dung chính

1. Khái niệm
Z

2. Ý nghĩa

3. Mối liên hệ
giữa CP & Z

4. Phân loại
Z

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.1. Khái niệm:

Giá thành sx là chi phí sx của 1 khối lượng, đơn vị thành phẩm (SP hoàn thành).

2.2. Ý nghĩa:

Giá thành SX phản ánh hiệu quả SX và phục vụ SX.

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.3. Mối quan hệ giữa CPSX & Z SX SP

CHI PHÍ SX	GIÁ THÀNH SX SP
<i>Cùng nội dung kinh tế: hao phí của các nguồn lực</i>	
<i>Liên quan đến thời kỳ SX</i>	<i>Liên quan đến khối lượng thành phẩm</i>
<i>Riêng biệt của từng kỳ SX</i>	<i>Có thể là chi phí SX của nhiều kỳ</i>
<i>Liên quan đến thành phẩm, SP dở dang</i>	<i>Liên quan đến thành phẩm</i>

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

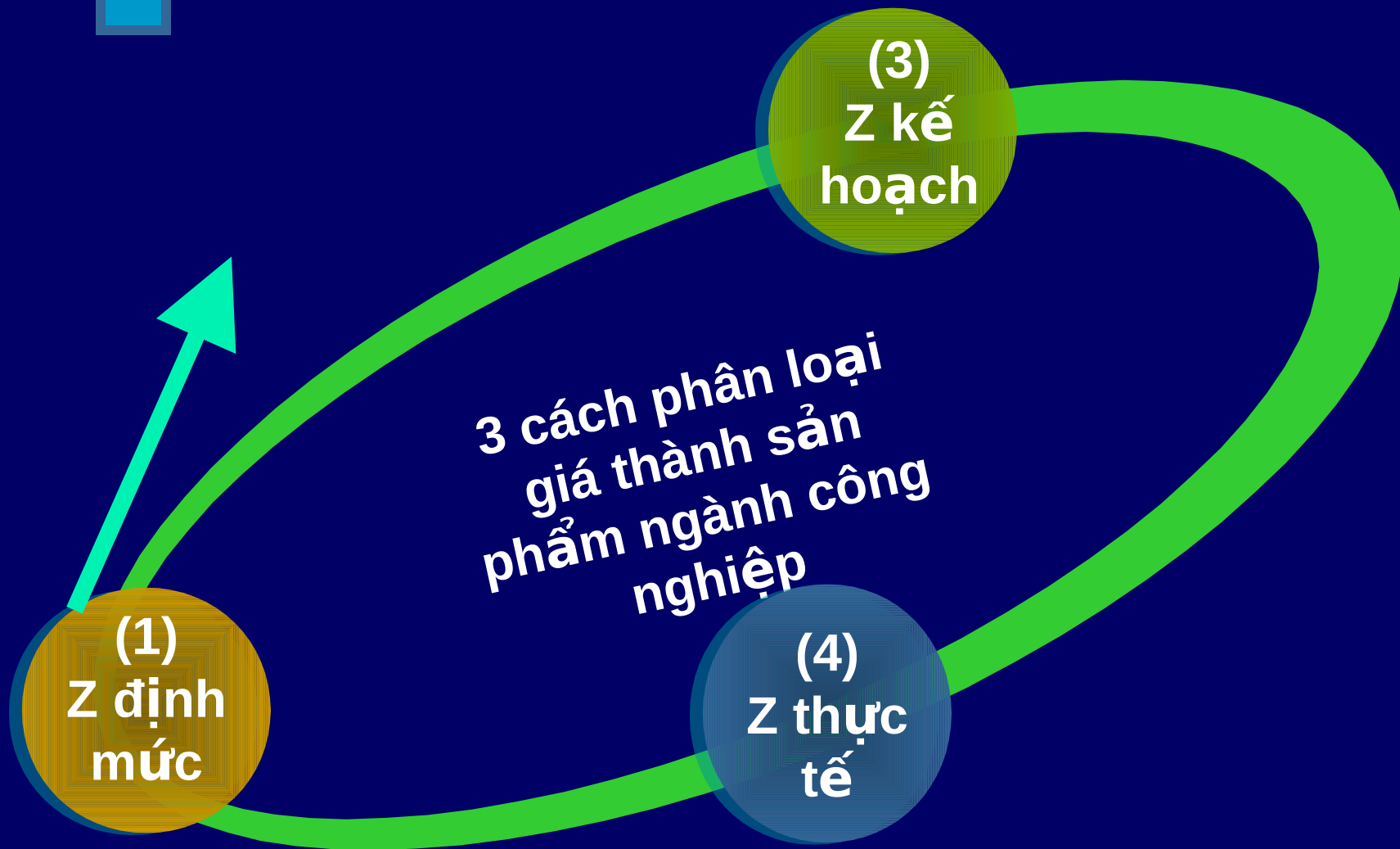
2 CÁCH PHÂN LOẠI Z

```
graph TD; A[2 CÁCH PHÂN LOẠI Z] --> B[Theo thời điểm xác định Z]; A --> C[Theo nội dung cấu thành Z];
```

Theo thời
điểm xác
định Z

Theo nội
dung cấu
thành Z

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM



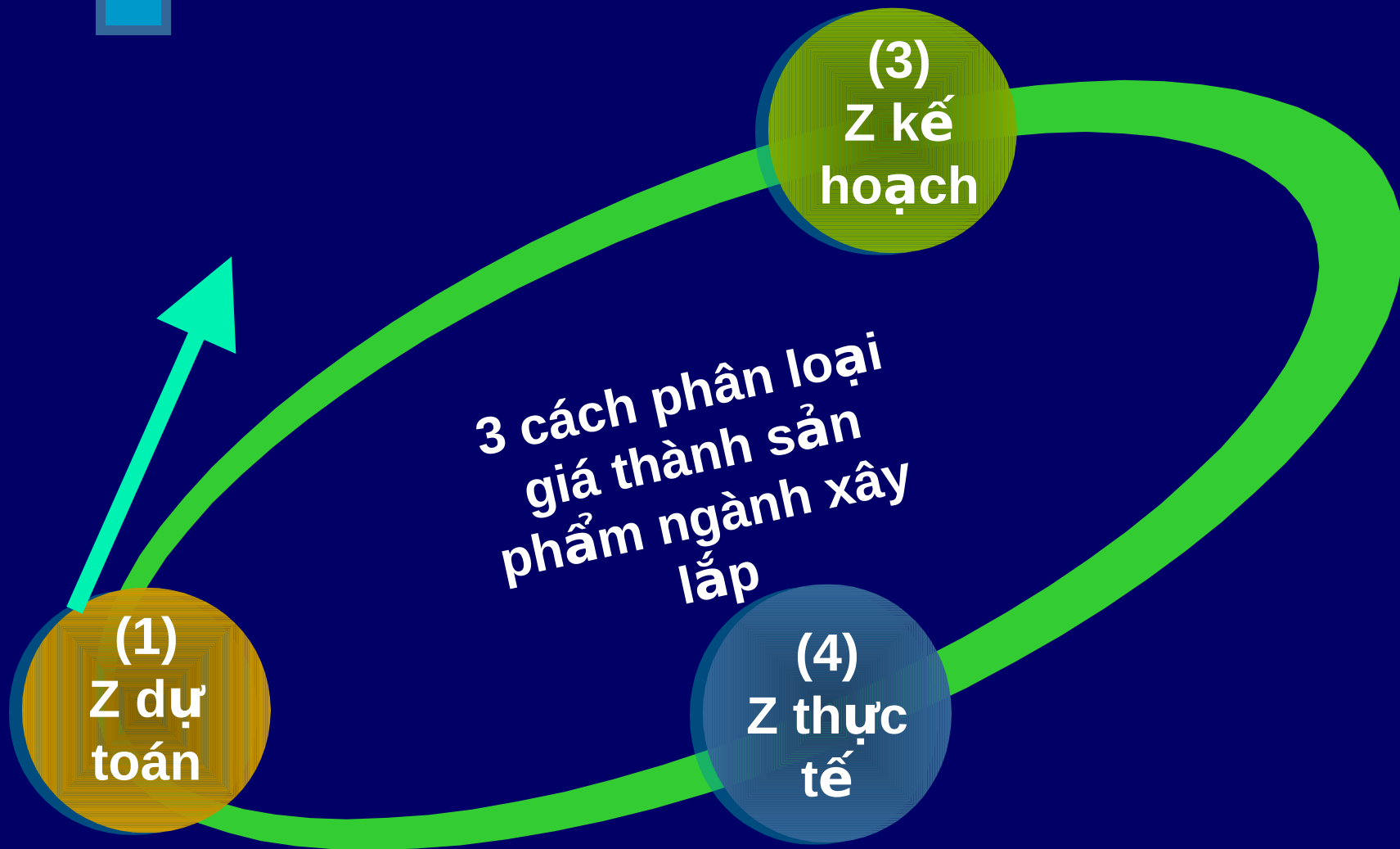
2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.4. Phân loại giá thành SP:

2.4.1. Phân loại theo thời điểm xác định Z:

- Đối với DN SX công nghiệp: Z có 3 loại
- + **Z SX định mức:** là Z được tính trước khi sx 1 đơn vị SP, theo CP SX định mức.
- + **Z SX kế hoạch:** là Z được tính trước khi sx cho tổng số SP SX kế hoạch, theo CP sx định mức
- + **Z sx thực tế:** là Z được tính sau khi sx hoàn thành, theo CP sx thực tế.

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM



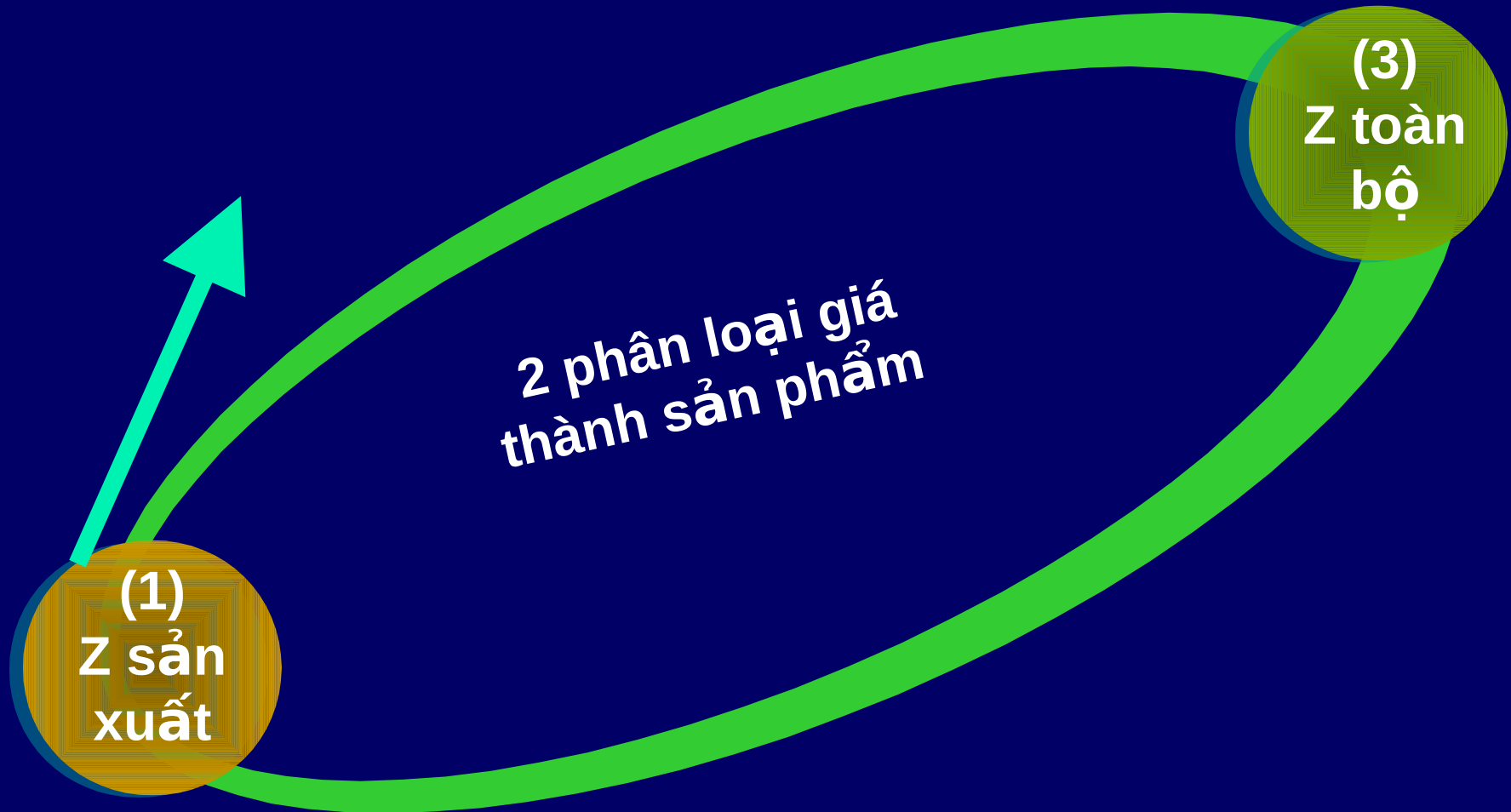
2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.4. Phân loại giá thành SP:

2.4.1. Phân loại theo thời điểm xác định Z:

- Đối với DN xây lắp: Z có 3 loại
- + **Z SX dự toán:** là tổng CP trực tiếp & gián tiếp dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp theo giá Nhà nước quy định.
- + **Z SX kế hoạch:** là Z dự toán được tính theo điều kiện cụ thể của DN xây lắp.
- + **Z sx thực tế:** là CP thực tế để hoàn thành khối lượng xây lắp.

2.4.2. THEO NỘI DUNG CẤU THÀNH Z SP



2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.4. Phân loại giá thành SP:

2.4.2. Phân loại theo nội dung cấu thành Z:

- *Giá thành sản xuất: là CP SX của khối lượng thành phẩm.*
- + *Đối với DN SX công nghiệp: Z sx gồm 3 khoản mục:*
 - ✓ *CP NVL trực tiếp*
 - ✓ *CP NC trực tiếp*
 - ✓ *CP SX chung.*

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.4. Phân loại giá thành SP:

2.4.2. Phân loại theo nội dung cấu thành Z:

- *Giá thành sản xuất:*

+ *Đối với DN xây lắp: Z sx gồm 4 khoản mục:*

✓ *CP NVL trực tiếp*

✓ *CP NC trực tiếp*

✓ *CP sử dụng máy thi công*

✓ *CP SX chung.*

2. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.4. Phân loại giá thành SP:

2.4.2. Phân loại theo nội dung cấu thành Z:

- *Giá thành toàn bộ: bao gồm Z sx & CP ngoài sx của khối lượng thành phẩm tiêu thụ.*

CHƯƠNG 2: CHI PHÍ & PHÂN LOẠI CHI PHÍ



TRẮC NGHIỆM & BÀI TẬP

